TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH
Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 12 – 2022
V/v: "Ly hôn, nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Mâu và bà Hoàng Thị Thoan
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên toà xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2471/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố H, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Nơi tạm trú: Ngõ F đường N, TDP D, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Trọng T (tên gọi khác Trần Văn T1), sinh năm 1971; Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố H, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Hiện đang trú tại: Xưởng C, V, Cây số A huyện S, tỉnh Attapu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Thân nhân của ông Trần Trọng T: Chị Trần Thị Hiền T2, sinh năm 1992 (là con đẻ của ông T); địa chỉ: TDP E, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có đơn trình bày xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 16/02/2022 và bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Trần Trọng T (tên gọi khác là Trần Văn T1) yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình

vào ngày 23 tháng 11 năm 1991. Sau khi cưới vợ chồng về sống chung hạnh phúc với gia đình chồng được 04 tháng, thì đến năm 1992 vợ chồng ra ở riêng. Năm 1996 chuyển vào ở tại Tổ dân phố C, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vợ chồng vẫn sống hạnh phúc. Đến năm 2008 ông T1 vào làm ăn tại tỉnh Tây Ninh, thỉnh thoảng có về nhà nhưng trong cuộc sống vợ chồng luôn cải vả nhau, nhưng chưa đến mức trầm trọng. Đến năm 2013 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, ông T1 làm ăn thua lỗ, nợ nần, bà không có việc làm ổn định không có tiền để trả nợ cho ông T1 được dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải nhau, thậm chí ông T1 còn đánh đập bà. Từ đầu năm 2020 ông T1 sang Lào làm ăn cho đến nay, không hề liên lạc gọi điện thoại về thăm hỏi, động viên, không quan tâm đến bà và các con, không lo cuộc sống gia đình. Nay bà thấy mục đích hôn nhân không thể níu kéo được nữa, tình trạng đã trầm trọng, mỗi người ở mỗi nơi, tình cảm vợ chồng đã hết nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Trọng T.

Về quan hệ con chung: ông bà có 03 con chung là Trần Thị Hiền T2, sinh ngày 22/7/1992; Trần Thị Thu H, sinh ngày 05/2/1994 và Trần Trọng S, sinh ngày 27/8/2006. Cháu T2 và cháu H đã lập gia đình, còn cháu S hiện còn đi học và đang ở với bà. Sau khi ly hôn bà L mong muốn được nuôi con Trần Trọng S, về tiền cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Ông bà không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Trần Trọng T: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đề nghị Cục Q Bộ C cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của ông Trần Trọng T. Tại Công văn số 6190/QLXNC-P5 ngày 25/3/2022 của Cục Q cung cấp thông tin ông Trần Trọng T đã xuất nhập cảnh 130 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 09/3/2020 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Theo bà L cung cấp hiện ông T có địa chỉ cư trú tại: Xưởng C, V, Cây số A huyện S, tỉnh Attapu, Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã có văn bản gửi đến Đ tại Lào để tiến hành các phương thức tống đạt, thông báo văn bản tố tụng đối với bị đơn ông Trần Trọng T, tuy nhiên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình không nhận được lời khai của ông T. Đồng thời, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thông báo qua kênh phát thanh dành cho người nước ngoài của Đ1 (VOV5) thông báo cho ông T 03 lần trong vòng 03 ngày liên tiếp về các nội dung liên quan đến việc bà L xin ly hôn ông T và đồng thời thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Toà án tại nơi ở, địa phương nơi cư trú của anh T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 04/5/2022 Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã yêu cầu thân nhân của bị đơn là chị Trần Thị Huyền T3 (con đẻ) của ông Trần Trọng T và bà Nguyễn Thị L trình bày ý kiến của mình về việc bà L xin ly hôn ông T, chị Trần Thị Huyền T3 có trình bày ý kiến như sau: Bố ruột của chị là Trần Trọng T, hiện nay ông T hiện

đang sinh sống và làm việc tại địa chỉ Xưởng C, V, Cây số A huyện S, tỉnh Attapu, C Lào đúng như bà L (mẹ ruột) đã cung cấp cho Toà án. Về tình cảm: Từ khi đi nước ngoài đến nay ông T vẫn thường xuyên gọi điện thoại về cho chị và các em thăm hỏi tình hình ở nhà, chị cũng đã thông báo cho ông T biết việc mẹ (bà L) làm đơn xin ly hôn và ông T cũng đồng ý ly hôn. Còn theo quan điểm của chị thì không có ý kiến gì, việc ly hôn đó do bố mẹ chị tự quyết định. Về con chung: Quá trình chung sống bố mẹ chị có với nhau 03 đứa con. Chị là con đầu và đã lập gia đình, em gái Trần Thị Thu H, sinh năm 1994 cũng đã lập gia đình; em trai Trần Trọng S, sinh năm 2006, hiện đang đi học và ở cùng với mẹ. Nguyện vọng của em trai Trần Trọng S) sau khi bố mẹ ly hôn thì muốn được ở cùng với mẹ. Về tài sản và nợ: Chị được biết bố mẹ chị không có tài sản hay nợ nần gì chung. Đồng thời, chị T3 cũng trình bày vì điều kiện ở xa, đi lại khó khăn nên xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến*:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, xử cho bà L được ly hôn ông Trần Trọng T.

Về con chung: Giao cháu Trần Trọng S, sinh ngày 26/8/2006 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không yêu cầu, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn một bên đương sự đang ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý là đúng về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Toà án cho đương sự ở nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không có kết quả nên đã thông báo cho ông Trần Trọng T trên kênh phát thanh của Ban Đối ngoại - Đ1 (VOV5), kênh phát thanh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài; thực hiện việc niêm yết văn bản tố tụng của Toà án tại địa phương (nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông T) và giao các văn bản tố tụng của Toà án cho người thân (chị T3) con ruột của ông T để người thân thông báo cho ông T biết nội dung liên

quan đến việc bà L xin ly hôn ông T theo đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần 1 vào ngày 24/11/2022.

Tại phiên toà hôm nay bà L có mặt, ông T vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228; khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Trọng T Trần Văn T1) xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình vào ngày 23/11/1991 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa hai bên sống hạnh phúc thời gian đầu. Từ năm 2011 đến năm 2020, ông T1 xuất cảnh sang Lào làm ăn cho đến nay, ông T1 không hề liên lạc gọi điện thoại về thăm hỏi, động viên, không quan tâm đến bà L, không lo cuộc sống gia đình. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông T1 thực sự không còn, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà L xử cho bà L được ly hôn ông Trần Trọng T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung:

Bà L và ông T có 03 con chung là Trần Thị Hiền T2, sinh ngày 22/7/1992, đã lập gia đình; Trần Thị Thu H, sinh ngày 05/2/1994, đã lập gia đình và Trần Trọng S, sinh ngày 27/8/2006 hiện còn đi học. Bà Nguyễn Thị L có nguyện vọng nuôi con và cháu S cũng có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà L, giao con Trần Trọng S, sinh ngày 27/8/2006 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên cần ghi nhận.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không xem xét.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp;

[2.5]. Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và đăng VOV Đài tiếng nói Việt Nam: Bà Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 2.047.846 đồng (bà L đã nộp đủ tại Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 277, Điều 147, Điều 153, Điều 464, Điều 469, Điều 474, khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH

ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 121,123,127 Luật Hôn nhân và Gia đình, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Trần Trọng T Trần Văn T1).

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Trọng S, sinh ngày 27/8/2006 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng tiền nuôi con.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí và lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 31AA/2022/0004896 ngày 21/02/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 2.047.846 đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và đăng tin trên VOV5 Đài tiếng nói Việt Nam (bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ tại Tòa án).

Án sơ thẩm xét xử công khai, bà Nguyễn Thị L có quyền có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Trần Trọng T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh QB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- UBND xã K;
-Các đương sự;
- Thân nhân của ông Th:
- Lưu hồ sơ, án văn, Lưu DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn